

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *14* /2022/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày *09* tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ thực hiện phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng, phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 179/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung và mức hỗ trợ; trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ thực hiện phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng, phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 145/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ thực hiện phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng, phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, tổ chức, cá nhân liên quan tham gia quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, đúng đối tượng, không chồng chéo, trùng lặp đối tượng, phạm vi giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia; có sự tham gia và cam kết của người dân trong việc xây dựng và thực hiện dự án;

b) Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

c) Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất là hỗ trợ có điều kiện, theo quy mô thực tế; hỗ trợ phát triển sản xuất có chu kỳ đủ dài để đảm bảo tính ổn định, hiệu quả và khả năng nhân rộng của dự án; thời gian hỗ trợ theo vụ hoặc chu kỳ sản xuất nhưng tối đa đến cuối năm 2025;

d) Được thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn khác theo quy định; huy động tối đa vốn tín dụng, vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức và cá nhân;

đ) Thanh toán, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất căn cứ kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ từng năm hoặc giai đoạn của dự án.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo Nghị quyết này phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo;

b) Đảm bảo việc thực hiện ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, tập trung xây dựng vùng nguyên liệu ổn định và phát triển mô hình sản xuất sản phẩm chủ lực địa phương, có giá trị kinh tế cao, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đối với dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới chỉ thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và các hoạt động hỗ trợ sản xuất khác (không thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ) và không hỗ trợ đối với địa bàn thuộc phường, thị trấn.

Điều 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1. Nội dung hỗ trợ đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Đào tạo kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường;

b) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi;

c) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi;

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ;

đ) Các chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm; chi phí thẩm định, điều kiện hành nghề, kinh doanh; hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp, xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; hỗ trợ xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, đánh giá và công bố hợp chuẩn, hợp quy; xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế; thực hành nông nghiệp tốt; áp dụng các công cụ nâng cao năng suất chất lượng; hoàn thiện, cải tiến, ứng dụng, đổi mới công nghệ; đánh giá chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn cho các sản phẩm hàng hóa đã có tiêu chuẩn quốc gia; đánh giá chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn nước ngoài cho các sản phẩm hàng hóa chủ lực và xuất khẩu;

e) Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương trong, ngoài tỉnh do chủ đầu tư quyết định trong phạm vi dự toán được giao;

g) Xây dựng, quản lý dự án.

2. Nội dung hỗ trợ đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

a) Các nội dung quy định tại điểm a, b, c, d, e, g tại khoản 1 Điều này;

b) Chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

3. Nội dung hỗ trợ đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Nội dung quy định tại điểm d khoản 1 Điều này và Điều 3 Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

4. Trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ thực hiện dự án: theo Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Điều kiện thực hiện

Ngoài các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này, phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Cộng đồng dân cư đề xuất dự án phát triển sản xuất là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển ấp, khóm làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi.

c) Hộ tham gia dự án phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án.

d) Thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng (nếu có) theo quy định.

2. Nội dung hỗ trợ đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Các nội dung quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này;

b) Dán nhãn sản phẩm;

c) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm;

d) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.

3. Nội dung hỗ trợ đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Các nội dung quy định tại điểm b, c, d, e, g khoản 1 Điều 3 và điểm c, d khoản 2 Điều này của Nghị quyết.

4. Trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ thực hiện dự án: theo Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

Điều 5. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

1. Điều kiện thực hiện

a) Sau khi đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ theo Điều 3, Điều 4 Nghị quyết này nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới;

b) Tối thiểu 70% phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải được dùng để hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất của người dân.

2. Thẩm quyền quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu

a) Đối với dự án do đơn vị cấp tỉnh thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh quyết định;

b) Đối với dự án do đơn vị cấp huyện thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

3. Nội dung hỗ trợ (áp dụng cho cả hai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và giảm

nghèo bền vững): Các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 3 và điểm c, d khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện dự án: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách địa phương; vốn đối ứng của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ chức, cộng đồng dân cư, người dân tham gia thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia; các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 12 năm 2022./.

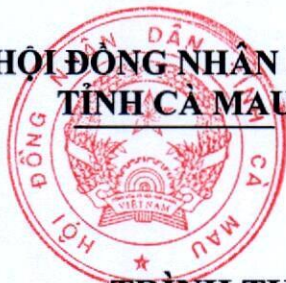
Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC, NN&PTNT, LĐTBXH;
- Ủy ban dân tộc;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Hải



Phụ lục I

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, MẪU HỒ SƠ THỰC HIỆN DỰ ÁN
PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 14 /2022/NQ-HĐND ngày 09 /12/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)*

I. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC

1. Bước 1: Khảo sát, xây dựng dự án

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với dự án giao vốn cho cấp huyện làm chủ đầu tư); các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh (đối với dự án giao vốn cho đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư) triển khai, thông báo đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có năng lực đăng ký tham gia làm chủ trì liên kết các dự án liên kết theo chuỗi giá trị trên địa bàn.

b) Đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị. Nội dung hồ sơ đề xuất thực hiện dự án phải xác định rõ: Năng lực của đơn vị chủ trì liên kết; phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo năm kế hoạch; các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án; nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án liên kết; đối tượng tham gia; chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

c) Thành phần hồ sơ

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo các mẫu số 01, 02, 03, 04 và mẫu số 08 của Phụ lục này.

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Thực hiện theo mẫu số 01, 03, 04, 08 của Phụ lục này và mẫu số 01 của Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Thực hiện theo các mẫu số 01, 02, 04, 05 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ và mẫu số 08 của Phụ lục này.

d) Nơi nhận hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp huyện (hoặc giao các phòng, ban chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp xã); các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp huyện; các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh rà soát, tổng hợp hồ sơ các dự

án, gửi sở, ngành quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia (dự án của chương trình nào thì gửi cơ quan quản lý của chương trình đó).

2. Bước 2: Thẩm định dự án

Cơ quan quản lý chương trình thành lập Hội đồng thẩm định dự án liên kết theo mẫu 05 của Phụ lục này. Thành phần Hội đồng thẩm định bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo cơ quan quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thành viên Hội đồng là đại diện các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc, một số ngành, đơn vị có liên quan, đại diện lãnh đạo UBND cấp huyện nơi có dự án và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác tham gia (nếu cần thiết).

Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hội đồng thẩm định tổ chức họp thẩm định dự án liên kết.

Nội dung thẩm định phải đánh giá, làm rõ các nội dung và sự cần thiết thực hiện dự án theo mẫu số 07 của Phụ lục này:

(1) Đáp ứng các điều kiện tại điểm b khoản 1 mục I.

(2) Hiệu quả về đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân tại địa bàn tham gia thực hiện dự án phát triển sản xuất.

(3) Đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

(4) Đảm bảo các nội dung khác có liên quan theo quy định tại Nghị quyết này (về nguyên tắc, điều kiện, nội dung hỗ trợ).

3. Bước 3: Phê duyệt dự án

Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định hoặc ủy quyền Thủ trưởng sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh (đối với dự án giao vốn cho đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư); Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với dự án giao vốn cho huyện làm chủ đầu tư) quyết định phê duyệt dự án liên kết theo mẫu số 06 của Phụ lục này.

Nội dung quyết định dự án liên kết bao gồm: Tên dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách); nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án; đối tượng tham gia; chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ khi tổ chức cuộc họp thẩm định dự án, Hội đồng thẩm định ban hành Quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời chủ trì liên kết và nêu rõ lý do.

4. Bước 4: Triển khai thực hiện

Sau khi có quyết định phê duyệt dự án, cơ quan, đơn vị được giao vốn (chủ đầu tư) thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với chủ trì liên kết theo mẫu số 09 của Phụ lục này triển khai thực hiện dự án; giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án theo tiến độ từng năm hoặc giai đoạn của dự án được cấp có thẩm quyền quyết định.

5. Bước 5: Nghiệm thu, đánh giá kết quả, hiệu quả dự án và thanh lý hợp đồng theo quy định.

II. MẪU HỒ SƠ DỰ ÁN LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

1. Mẫu số 01 - Đơn đề nghị.
2. Mẫu số 02 - Dự án liên kết.
3. Mẫu số 03 - Bản cam kết.
4. Mẫu số 04 - Bản thỏa thuận (đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau).
5. Mẫu số 05 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án liên kết.
6. Mẫu số 06 - Quyết định phê duyệt dự án liên kết.
7. Mẫu số 07 - Biên bản họp Hội đồng.
8. Mẫu số 08 - Hợp đồng liên kết sản xuất.
9. Mẫu số 09 - Hợp đồng thực hiện dự án.

Mẫu số 01
TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN LIÊN KẾT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
V/v hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp huyện/Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Chủ trì dự án liên kết:

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:..... Email:

2. Loại sản phẩm liên kết:.....

3. Đối tượng tham gia:

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

5. Địa bàn thực hiện:

6. Quy mô liên kết:.....

II. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN VÀ NỘI DUNG HỖ TRỢ

1. Tổng nguồn vốn thực hiện Dự án liên kết:đồng.

Trong đó:

a) Vốn của Chủ trì Dự án liên kết:.....đồng

b) Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ:đồng

c) Vốn tham gia của bên liên kết:đồng

d) Vốn tín dụng ưu đãi:đồng

đ) Vốn lồng ghép thực hiện các chính sách khác: đồng

2. Nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (theo quy định nội dung được hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia) trong những nội dung sau:

a) Đào tạo kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường: đồng

b) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi: đồng

c) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi: đồng

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ: đồng

đ) Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm;...: đồng

e) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm: đồng

g) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả: đồng

h) Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương trong, ngoài tỉnh do chủ đầu tư quyết định trong phạm vi dự toán được giao: đồng

i) Xây dựng, quản lý dự án: đồng

k) Dán nhãn sản phẩm: đồng

3. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ: đồng (Bằng chữ:.....).

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm, nhưng tối đa đến cuối năm 2025):

III. CAM KẾT: (tên chủ trì dự án liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm)/.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu:

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(ký tên, đóng dấu)

**TÊN CHỦ TRÌ
DỰ ÁN LIÊN KẾT**

**Mẫu số 02
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/....., ngày.....tháng.....năm.....

DỰ ÁN LIÊN KẾT

**Phần I
GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN LIÊN KẾT**

I. TÊN DỰ ÁN LIÊN KẾT:

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Chủ trì dự án liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp có nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:.....E-mail

b) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:.....E-mail

c).....

3. Số lượng người dân tham gia liên kết

III. THỜI GIAN, ĐỊA BÀN THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT:

1. Thời gian triển khai: Từ tháng.....năm.....đến tháng.....năm.....

2. Địa bàn thực hiện:

IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết)

Phần II **NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT**

I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT:.....

II. TỔNG QUAN VỀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM TRƯỚC KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn (điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn có liên quan đến việc thực hiện dự án liên kết):.....

2. Tổng quan về liên kết và sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trước khi thực hiện dự án liên kết (Kết quả thực hiện liên kết trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian liên kết lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, báo cáo khái quát tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong 03 năm gần nhất).

3. Sự cần thiết xây dựng dự án liên kết.

III. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Sản phẩm thực hiện liên kết:

2. Quy mô liên kết:

3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:

4. Hình thức liên kết:

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.

7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

IV. NGUỒN VỐN VÀ CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Tổng vốn đầu tư thực hiện Dự án liên kết:.....đồng.

Trong đó:

a) Vốn của Chủ đầu tư Dự án liên kết:.....đồng

b) Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ:.....đồng

c) Vốn tham gia của bên liên kết:.....đồng

d) Vốn tín dụng ưu đãi:.....đồng

đ) Vốn lồng ghép thực hiện các chính sách khác:

2. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ (theo quy định nội dung được hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia) trong những nội dung sau:

a) Đào tạo kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường: (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, dự toán chi phí, ...).

b) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi: (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các tài liệu liên quan...).

c) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi: (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí, ...).

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ (chi tiết nội dung, số lượng, dự toán chi phí,...)

đ) Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm;...: (chi tiết từng chỉ tiêu, nội dung, dự toán chi phí và các tài liệu liên quan).

e) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm: (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, dự toán chi phí, ...).

g) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả: (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, dự toán chi phí, ...).

h) Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương trong, ngoài tỉnh do chủ đầu tư quyết định trong phạm vi dự toán được giao: (nội dung, địa điểm, số lượng, dự toán chi phí,...)

i) Xây dựng, quản lý dự án: (chi tiết từng nội dung, dự toán kinh phí,...)

k) Dán nhãn sản phẩm: (số lượng, chủng loại, dự toán chi phí,...)

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm nếu có).

3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

b) Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ

4. Các hồ sơ gửi kèm (chủ trì dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết):

V. DỰ KIẾN KẾT QUẢ, HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Dự kiến kết quả thực hiện theo từng giai đoạn hoặc năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án liên kết; đối tượng tham gia.
2. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội).
3. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục).

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Chủ trì dự án liên kết xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

III. KIẾN NGHỊ

Ngoài các nội dung nêu trên, chủ trì dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế./.

CHỦ TRÌ DỰ ÁN LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BẢN CAM KẾT

**Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm,
an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường**

Kính gửi: (UBND cấp huyện/Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh)

Chủ trì dự án liên kết:

Người đại diện theo pháp luật:Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:, Fax: E-mail:

Mã số thuế

Sản phẩm liên kết:

Loại hình liên kết:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực.....mà dự án liên kết triển khai.

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

Ngày tháng năm , tại ,
 chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Fax: E-mail

2. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Fax: E-mail

3.
 Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ DỰ ÁN LIÊN KẾT:.....

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết:
2. Sản phẩm thực hiện liên kết:
3. Quy mô liên kết:
4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT: đồng, trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: đồng
2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: đồng
- (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
- (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng

3. Các nguồn vốn khác: đồng

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)

2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thànhbản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữbản, chủ trì dự án liên kết giữbản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....., ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Hội đồng thẩm định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau

THỦ TRƯỞNG SỞ, NGÀNH CẤP TỈNH

Căn cứ;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau, gồm các thành viên cụ thể sau:

1. Ông/Bà:, Chức vụ, Đơn vị - Chủ tịch Hội đồng thẩm định;
2. Ông/Bà:, Chức vụ, Đơn vị - Thành viên;
3. Ông/Bà:, Chức vụ, Đơn vị - Thành viên;
4.
5. Ông/Bà:, Chức vụ, Đơn vị - Thư ký;

Điều 2. Trách nhiệm của Hội đồng thẩm định

1. Tổ chức thẩm định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.
2. Phê duyệt các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đủ điều kiện.

3.....

Điều 3. (quy định tổ chức thực hiện)

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở, ngành liên quan;
- UBND các xã;
- Lưu: VT..

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký và ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 06**TÊN CƠ QUAN**

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Dự án liên kết****THỦ TRƯỞNG SỞ, NGÀNH CẤP TỈNH***Căn cứ**Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;**Căn cứ các văn bản khác có liên quan ...;**Xét đề nghị của... và kết quả thẩm định của....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt Dự án liên kết với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Dự án liên kết:

2. Chủ đầu tư:.....

3. Chủ trì dự án liên kết :

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

4. Tên đại diện bên tham gia liên kết:.....

- Tên đại diện theo pháp luật:.....

- Chức vụ:

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:....., Fax:.....

5. Số lượng người dân tham gia liên kết :

6. Sản phẩm thực hiện Dự án liên kết:.....

7. Quy mô Dự án liên kết:.....

8. Địa điểm thực hiện Dự án liên kết:

9. Thời gian thực hiện:.....

10. Mục tiêu của Dự án:

a. Mục tiêu chung

b. Mục tiêu cụ thể

11. Kinh phí thực hiện Dự án liên kết:

Tổng vốn đầu tư thực hiện Dự án liên kết:.....đồng.

Trong đó:

a) Vốn của chủ trì dự án liên kết:.....đồng

b) Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ:.....đồng (nêu rõ từng nguồn NSNN như Ngân sách TW..... đồng; ngân sách tỉnh:..... đồng; ngân sách huyện..... đồng).

c) Vốn tham gia của bên liên kết:.....đồng

d) Vốn tín dụng ưu đãi:.....đồng

đ) Vốn lồng ghép thực hiện các chính sách khác:

12. Các nội dung đề nghị hỗ trợ từ ngân sách

TT	Nội dung hỗ trợ	Tổng vốn thực hiện	Vốn hỗ trợ từ NSNN

13. Kế hoạch đề nghị hỗ trợ: ghi cụ thể theo từng năm.

(Kèm theo Dự án liên kết được phê duyệt)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Điều khoản thi hành./.

Nơi nhận:

– Như Điều 3;

–;

– Các cơ quan có liên quan;

– Lưu: ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 07

CƠ QUAN THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG
HỘI ĐỒNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20....

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
DỰ ÁN LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ NĂM 20.....****A. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG**

1. Quyết định thành lập Hội đồng: Số ngày .../.../20.... của.....
(Kèm theo Quyết định).
2. Số lượng các dự án đề xuất: dự án
3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:
 - Địa điểm họp:
 - Thời gian: Ngày/...../20....
4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:% thành viên
Hội đồng có mặt (.../.... thành viên);
 - Vắng mặt: người;
 - Khách mời tham dự họp Hội đồng (nếu có):

B. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

1. Đại diện công bố quyết định thành lập Hội đồng và báo cáo các điều kiện đảm bảo tổ chức cuộc họp.
2. Chủ tịch Hội đồng chủ trì (Tóm tắt các yêu cầu đối với Hội đồng trong quá trình làm việc, phương thức làm việc...).
3. Đại diện chủ trì liên kết báo cáo tóm tắt nội dung thuyết minh dự án.
4. Các thành viên Hội đồng thẩm định nhận xét, đánh giá dự án.
5. Hội đồng thẩm định tiến hành xem xét, lựa chọn dự án liên kết. Dự án liên kết được chọn là dự án có trên 80% thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá, thống nhất đạt yêu cầu.
6. Kết quả lựa chọn dự án
 - Những dự án được thống nhất thực hiện:
 - Những dự án chưa được thống nhất hoặc cần điều chỉnh bổ sung.....
8. Hội đồng thông qua Biên bản làm việc./.

Thư ký
(Ký ghi rõ họ tên)**Chủ trì cuộc họp**
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**HỢP ĐỒNG****LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM**

Số:/ 20... /HĐSXTT

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự

-

Hôm nay, ngày... tháng ... năm 20.... tại, hai bên gồm:

BÊN A:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:

Mã số thuế:

Tài khoản:

Do ông/bà:

Chức vụ: làm đại diện.

BÊN B:

Do ông/bà :..... Chức vụ: làm đại diện.

CMND số:.....ngày cấpnơi cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tài khoản:

*Sau khi bàn bạc trao đổi thống nhất, hai bên nhất trí ký Hợp đồng như sau:***Điều 1. Nội dung chính**

1. Bên B đồng ý Hợp đồng (sản xuất/cung cấp dịch vụ/mua/bán/tiêu thụ)cho bên A:

- Thời gian : từ ngày..... tháng năm đến ngày.... tháng năm.....

- Qui mô (ví dụ diện tích): (ha).

- Sản lượng dự kiến: (tấn).

- Địa điểm:

2. Bên A đồng ý Hợp đồng (sản xuất/cung cấp dịch vụ/mua/bán/tiêu thụ (trả ngay hoặc ghi nợ) cho bên B (sản xuất/cung cấp dịch vụ/mua/bán/tiêu thụ, giống, vật tư phục vụ sản xuất)

.....

Điều 2. Tiêu chuẩn chất lượng và quy cách hàng hóa Bên B phải đảm bảo:

1. Chất lượng hàng..... theo quy định.....

2. Quy cách hàng hóa.....

3. Bao bì đóng gói.....

Điều 3. Thời gian, địa điểm giao nhận

1. Thời gian giao hàng
2. Địa điểm giao, nhận hàng

Điều 4. Giá cả và phương thức thanh toán, địa điểm giao hàng

Điều 5. Trách nhiệm bên A

Điều 6. Trách nhiệm bên B

Điều 7. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp bên A vi phạm Hợp đồng

Nếu bên A được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên A cho bên B.

2. Trường hợp bên B vi phạm Hợp đồng

Nếu bên B được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên B cho bên A.

Điều 8. Điều khoản chung

1. Trong trường hợp có phát sinh trong hợp đồng thì cả hai bên phải có trách nhiệm cùng nhau thống nhất giải quyết.

2. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện có gì thay đổi, hai bên cùng bàn bạc thống nhất để bổ sung bằng văn bản hay phụ lục Hợp đồng. Nếu có trường hợp vi phạm Hợp đồng mà hai bên không thể thương lượng được thì các bên xem xét đưa ra toà án để giải quyết theo pháp luật.

Hợp đồng được lập thành bản, mỗi bên giữ bản có giá trị ngang nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Mẫu số 09
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

HỢP ĐỒNG
Thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
Số:

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày tháng ... năm;

Căn cứ (Ghi Quyết định phê duyệt dự án).

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Chủ đầu tư (Bên A):

- Do Ông/Bà làm đại diện.

- Chức vụ: làm đại diện.

- Địa chỉ:

2. Bên chủ trì liên kết (Bên B): *(Ghi tên doanh nghiệp, HTX được giao chủ trì thực hiện Dự án liên kết):*

- Do Ông/Bà:

- Chức vụ: làm đại diện.

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Email:.....

- Số tài khoản:

- Tại ngân hàng:

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện dự án.....
(sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Giao nhận thực hiện Dự án

Bên A giao và Bên B nhận thực hiện Dự án.....theo các nội dung trong Thuyết minh Dự án liên kết chuỗi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh dự án và Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện Hợp đồng theo thời gian thực hiện Dự án là tháng, từ tháng..... năm 20.....đến tháng năm 20.....

Điều 3. Kinh phí thực hiện Dự án

1. Tổng kinh phí thực hiện Dự án là (bằng chữ.....), trong đó:

a) Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ:.....đồng (*nêu rõ từng nguồn như Ngân sách trung ương..... đồng; ngân sách tỉnh:..... đồng; ngân sách huyện..... đồng*).

b) Kinh phí từ nguồn khác: (bằng chữ.....).

c) Vốn tham gia của bên liên kết:.....đồng

d) Vốn tín dụng ưu đãi:.....đồng

đ) Vốn lồng ghép thực hiện các chính sách khác:

2. Tiến độ cấp kinh phí:

Tiến độ cấp kinh phí được ghi trong Thuyết minh phù hợp với quy định pháp luật và theo đàm phán hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

(Các trường hợp chấm dứt Hợp đồng)

Điều 6. Xử lý khi chấm dứt Hợp đồng**Điều 7. Điều khoản chung****Điều 8. Hiệu lực của Hợp đồng**

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày..... Hợp đồng này được lập thành bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữbản./.

BÊN A

(*Chữ ký, ghi rõ họ và tên
và đóng dấu*)

BÊN B

(*Chữ ký, ghi rõ họ và tên
và đóng dấu*)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục II
**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, MẪU HỒ SƠ THỰC HIỆN DỰ ÁN
PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 14 /2022/NQ-HĐND ngày 09 /12/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)*

I. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC

1. Bước 1: Xây dựng dự án

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tuyên truyền, thông báo rộng rãi, vận động tổ, nhóm cộng đồng tham gia thực hiện dự án theo quy định.

b) Tổ chức họp lấy ý kiến về nội dung dự án và lập danh sách đối tượng tham gia dự án: Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với UBND cấp xã để xây dựng dự án và lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án.

c) Nội dung đề xuất thực hiện dự án phải bao gồm: ý kiến thống nhất của cộng đồng; kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; tổng chi phí dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phần đóng góp của các thành viên tổ, nhóm; kết quả thực hiện dự án; hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng; trách nhiệm giám sát của UBND cấp xã đối với việc quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển; nhu cầu đào tạo, tập huấn về kỹ thuật; nội dung khác (nếu có) theo quy định về nội dung, mức hỗ trợ.

d) Thành phần hồ sơ

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo các mẫu số 01, 02 của Phụ lục này.

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Thực hiện theo mẫu số 01 của Phụ lục này và mẫu số 02 của Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

đ) Nơi nhận hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Bước 2: Thẩm định dự án

Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án theo mẫu số 03 của Phụ lục này. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm:

- Tổ trưởng Tổ thẩm định là đại diện lãnh đạo UBND cấp huyện (hoặc ủy quyền cho lãnh đạo phòng, ban chuyên môn cấp huyện).

- Thành viên là lãnh đạo một số phòng, ban chuyên môn cấp huyện, lãnh đạo UBND cấp xã liên quan và chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu có).

Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của UBND cấp xã, Tổ thẩm định tổ chức họp thẩm định dự án sản xuất cộng đồng.

Nội dung thẩm định phải đánh giá, làm rõ các nội dung và sự cần thiết thực hiện dự án theo Mẫu số 04 của Phụ lục này:

(1) Đáp ứng các điều kiện tại điểm c khoản 1 mục I.

(2) Đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

(3) Đảm bảo các nội dung khác có liên quan theo quy định tại Nghị quyết này (về nguyên tắc, điều kiện, nội dung hỗ trợ...).

3. Bước 3: Phê duyệt dự án

Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất theo Mẫu số 05 của Phụ lục này.

Nội dung quyết định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng gồm: Tên dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); hình thức, mức quay vòng (nếu có); dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ khi tổ chức cuộc họp thẩm định dự án, Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời cho người đại diện cộng đồng lựa chọn và nêu rõ lý do.

4. Bước 4: Triển khai thực hiện

Sau khi có quyết định phê duyệt dự án, UBND cấp xã được giao vốn (chủ đầu tư) thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển cộng đồng ký hợp đồng với đại diện tổ

nhóm cộng đồng theo mẫu số 06 của Phụ lục này triển khai thực hiện dự án; giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án theo tiến độ từng năm hoặc giai đoạn của dự án được cấp có thẩm quyền quyết định.

5. Bước 5: Nghiệm thu, đánh giá kết quả, hiệu quả dự án và thanh lý hợp đồng theo quy định.

II. MẪU HỒ SƠ DỰ ÁN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG

1. Mẫu số 01 - Biên bản họp dân.
2. Mẫu số 02 - Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.
3. Mẫu số 03 - Quyết định thành lập Tổ thẩm định.
4. Mẫu số 04 - Biên bản họp Tổ thẩm định.
5. Mẫu số 05 - Quyết định phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng.
6. Mẫu số 06 - Hợp đồng thực hiện dự án.

Mẫu số 01
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng... năm.....

BIÊN BẢN HỌP DÂN

Hôm nay, ngày tháng năm....., tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) đã tổ chức họp để:..... (nêu mục đích cuộc họp).

1. Thành phần tham dự họp

- Chủ trì cuộc họp (đại diện tổ, nhóm cộng đồng): (ghi rõ họ, tên, chức danh);
- Thư ký cuộc họp (đại diện UBND cấp xã): (ghi rõ họ, tên, chức danh);
- Đại diện các thành phần tham gia (nêu rõ các thành phần tham gia....., trong đó có các thành phần của đại diện cộng đồng dân cư, người dân tham gia).

2. Nội dung cuộc họp

- Phổ biến dự án: Tên dự án, mục tiêu dự án, cách thức xây dựng dự án, chính sách hỗ trợ của dự án ...;
- Thảo luận điều kiện tham gia của hộ: tiêu chí chọn hộ tham gia, trách nhiệm của hộ khi tham gia dự án;
- Lập danh sách hộ tham gia: là hộ đáp ứng tiêu chí và tự nguyện tham gia dự án, có cam kết thực hiện đúng các quy định của dự án.

Cuộc họp đã kết thúc vào... giờ... cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản./.

Đại diện các hộ dân

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký cuộc họp

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND xã

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TÊN DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG ...

1. Đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).
2. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo):
.....
3. Đối tượng tham gia:
4. Thời gian triển khai:
5. Địa bàn thực hiện:
6. Các hoạt động của dự án:
7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)):
8. Hình thức, mức quay vòng (nếu có):
9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp:
10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có):
11. Tổ chức thực hiện dự án:
12. Các nội dung liên quan khác:

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03
UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN/TP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-.....

....., ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

**V/v thành lập Tổ thẩm định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/TP

Căn cứ;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ thẩm định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện ..., gồm các thành viên cụ thể sau:

1. Ông/Bà:, Chức vụ, Đơn vị - Tổ trưởng;
2. Ông/Bà:, Chức vụ, Đơn vị - Thành viên;
3. Ông/Bà:, Chức vụ, Đơn vị - Thành viên;
4.
5. Ông/Bà:, Chức vụ, Đơn vị - Thư ký;

Điều 2. Trách nhiệm của Tổ thẩm định

1. Tổ chức thẩm định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện theo đúng quy định.
2. Phê duyệt các dự án hỗ trợ phát triển cộng đồng đủ điều kiện.
- 3.....

Điều 3. (quy định tổ chức thực hiện)

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND các xã;
- Lưu: VT..

CHỦ TỊCH

(Ký và ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 04
CƠ QUAN THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20....

BIÊN BẢN HỌP TỔ THẨM ĐỊNH
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG NĂM 20....

A. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

1. Quyết định thành lập Tổ thẩm định: Số ngày/...../20.... của.....
 (Kèm theo Quyết định).
2. Số lượng các dự án đề xuất: dự án
3. Địa điểm và thời gian họp Tổ thẩm định:
 - Địa điểm họp:
 - Thời gian: Ngày/...../20....
4. Số thành viên Tổ có mặt trên tổng số thành viên:% thành viên Tổ có mặt (...../..... thành viên);
 - Vắng mặt: người;
 - Khách mời tham dự họp Tổ thẩm định (nếu có):

B. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA TỔ THẨM ĐỊNH

1. Đại diện công bố quyết định thành lập Tổ thẩm định và báo cáo các điều kiện đảm bảo tổ chức cuộc họp.
2. Tổ trưởng Tổ thẩm định chủ trì (Tóm tắt các yêu cầu đối với Tổ thẩm định trong quá trình làm việc, phương thức làm việc...).
3. Đại diện tổ, nhóm cộng đồng báo cáo tóm tắt nội dung thuyết minh dự án.
4. Các thành viên Tổ thẩm định nhận xét, đánh giá dự án.
5. Tổ thẩm định tiến hành xem xét, lựa chọn dự án. Dự án phát triển sản xuất cộng đồng được chọn là dự án có trên 80% thành viên Tổ thẩm định đánh giá, thống nhất đạt yêu cầu.
6. Kết quả lựa chọn dự án
 - Những dự án được thống nhất thực hiện:
 - Những dự án chưa được thống nhất hoặc cần điều chỉnh bổ sung.....
7. Tổ thẩm định thông qua Biên bản làm việc./.

Thư ký
 (Ký ghi rõ họ tên)

Chủ trì cuộc họp
 (Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05
ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN/TP ... Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN/TP

Căn cứ... ..

Căn cứ Quyết định giao vốn số... ..

Căn cứ văn bản của tổ thẩm định dự án... ..

Căn cứ... ..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, với các nội dung chính

1. Tên dự án:
2. Thời gian triển khai dự án:
3. Địa điểm thực hiện dự án:
4. Đối tượng tham gia dự án:.....
5. Các hoạt động của dự án.....
6. Kinh phí thực hiện dự án (ngân sách nhà nước hỗ trợ, trong đó cần nêu rõ nguồn ngân sách các cấp như NSTW, NS tỉnh, huyện, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)).
7. Hình thức quay vòng (nếu có):.....
8. Hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án.....
9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp.....
10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).....

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Phân công nhiệm vụ cho các cơ quan liên quan.....

Điều 3. Điều khoản thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu: ...

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN THỰC HIỆN
(CHỦ ĐẦU TƯ)

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/HĐ-CQ

....., ngày tháng năm.....

HỢP ĐỒNG

Thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày tháng..... năm.....;
Căn cứ Quyết định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm..... cho cơ quan, đơn vị.....thực hiện Chương trình MTQG.....;
Căn cứ quy định liên quan;
Căn cứ Quyết định về việc phê duyệt dự án sản xuất cộng đồng.....

Hôm nay, ngàytháng năm.....

Tại:.....

Chúng tôi gồm có:

BÊN A: ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO VỐN (CHỦ ĐẦU TƯ)

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Tài khoản:.....

Do Ông (Bà):.....Chức vụ:

Ông (Bà):.....Chức vụ:

Ông (Bà):.....Chức vụ:

Đại diện cho cơ quan được giao vốn thực hiện dự án sản xuất cộng đồng.

BÊN B: ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG (TỔ, NHÓM) THAM GIA DỰ ÁN

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

CMND hoặc CCCD số:....., ngày cấp:....., nơi cấp:.....

Do ông (bà):.....Chức vụ: Đại diện nhóm hộ; Tổ hợp tác/Ban phát triển ấp/.....

Đại diện cho tổ, nhóm cộng đồng tham gia dự án.

Trên cơ sở thoả thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng năm.....với các điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên A hỗ trợ kinh phí để Bên B triển khai thực hiện các nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trong dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

1. Tên dự án:.....
2. Qui mô:
3. Địa điểm:.....
4. Thời gian thực hiện: Từ ngày....tháng....năm....đến ngày....tháng....năm....
5. Kinh phí hỗ trợ: đồng, gồm có (theo quy định nội dung được hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia):

5.1. Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi:đồng

5.2. Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi:đồng

5.3. Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ:đồng

5.4. Các chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm;...:đồng

5.5. Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương trong, ngoài tỉnh do chủ đầu tư quyết định trong phạm vi dự toán được giao:đồng

5.6. Xây dựng, quản lý dự án:đồng

5.7. Các nội dung khác:.....đồng

Tổng cộng:..... đồng

(Bằng chữ:)

Điều 2. Trách nhiệm của bên A

1. Cung cấp định mức KTKT, hướng dẫn, theo dõi bên B thực hiện dự án.
2. Cử cán bộ trực tiếp xuống cơ sở để chỉ đạo, theo dõi thực hiện dự án (Cán bộ phải có bằng cấp chuyên môn về dự án).
3. Phối hợp tổ chức tập huấn kỹ thuật, hội thảo, sơ kết, tổng kết dự án, kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án để giải ngân theo tiến độ và lập biên bản để lưu vào hồ sơ của 02 bên.

4. Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Điều 1 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung được phê duyệt.

Điều 3. Trách nhiệm của bên B

1. Sử dụng giống, vật tư, công cụ, dụng cụ, thiết bị, các nội dung được hỗ trợ theo đúng mục đích, yêu cầu về kỹ thuật, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, dự án triển khai phải đạt hiệu quả và cộng đồng trong dự án có thể mở rộng sản xuất.

2. Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn kỹ thuật, hội thảo, hội nghị sơ kết, tổng kết do các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức. Cung cấp số liệu triển khai thực hiện dự án để bên A lập báo cáo tiến độ, báo cáo kết quả triển khai dự án khi kết thúc; lưu ý phải có báo cáo kịp thời những diễn biến bất thường (dịch bệnh, thời tiết, thiên tai...) để hai bên cùng phối hợp xử lý.

3. Trích nộp một phần kinh phí theo thỏa thuận bằng tiền hoặc hiện vật (*Bảng chữ:*) để thực hiện quay vòng vốn dự án (nếu có);

4. Tổ, nhóm hộ ký kết hợp đồng với doanh nghiệp, cơ sở thu mua tiêu thụ sản phẩm sản xuất ra (khi đến thời điểm thu hoạch).

Điều 4. Thanh lý hợp đồng

1. Cơ sở thanh lý hợp đồng là các biên bản nghiệm thu tại cộng đồng trực tiếp thực hiện dự án.

2. Các chứng từ thanh toán theo qui định hiện hành.

Điều 5. Những thỏa thuận khác

1. Trường hợp gặp rủi ro bất khả kháng (thiên tai, dịch bệnh hoặc những yếu tố khách quan khác) thì bên B phải kịp thời đánh giá thiệt hại, lập biên bản và báo cáo cho bên A để cùng giải quyết.

2. Trường hợp dự án không thực hiện đúng hoặc không đảm bảo yêu cầu của hợp đồng thì bên A sẽ thu hồi lại toàn bộ hoặc một phần kinh phí trên cơ sở các biên bản kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá để triển khai thực hiện dự án tiếp theo.

Điều 6. Cam kết chung

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có gì khó khăn vướng mắc, hai bên phải gặp nhau để cùng bàn bạc, giải quyết. Bên nào tự ý làm sai sẽ phải chịu bồi thường theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 08 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 04 bản bên B giữ 04 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)